

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2023/KDTM-ST
Ngày: 17-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Công;

2. Bà Trần Ngọc Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Công, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 41/2022/TLST-KDTM ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH DD; địa chỉ: Thửa đất số X TĐĐ Y, khu phố BP, phường BC, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: Z, ấp AS, xã AD, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Dương Thị MD, sinh năm 1995; địa chỉ: Khu phố P, phường TA, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (Giấy ủy quyền ngày 14/9/2022). Có mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH Chế biến gỗ HD; trụ sở: Đường E, Tổ M, khu phố K, phường AP, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Bà Bùi Thị Y, sinh năm 1996; địa chỉ: R, khu phố BP, phường BC, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (Giấy ủy quyền ngày 28/11/2022). Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 23/6/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn do bà Dương Thị MD đại diện trình bày:

Công ty TNHH DD (Gọi tắt là nguyên đơn) và Công ty TNHH Chế biến gỗ ĐH, sau này đổi tên thành Công ty TNHH Chế biến gỗ HD (Gọi tắt là bị đơn) có ký hợp đồng nguyên tắc vào ngày 01/4/2017 về việc nguyên đơn bán cho bị đơn gỗ cao su đã xẻ, sấy giá cả do hai bên thương lượng tùy thuộc vào thời điểm giao hàng.

Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã nhiều lần giao hàng cho bị đơn theo các hóa đơn giá trị gia tăng số 016 - ngày 12/5/2017; 024 - ngày 27/5/2017; 037 - ngày 28/6/2017; 055 - ngày 31/7/2017; 074 - ngày 31/8/2017; 082 - ngày 16/9/2017; 118 - ngày 31/10/2017 và 125 - ngày 21/11/2017. Tổng giá trị tiền hàng theo 08 hóa đơn này là 4.221.483.495 đồng. Sau khi giao hàng, bị đơn đã trả cho nguyên đơn được tổng số tiền tính đến ngày 15/8/2019 là 1.250.000.000 đồng. Ngày 15/8/2019 hai bên có làm bảng xác nhận công nợ, theo đó bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền hàng là 2.971.483.495 đồng. Sau khi lập bảng xác nhận công nợ, từ ngày 22/8/2019 đến ngày 10/6/2022 bị đơn đã nhiều lần trả tiền cho nguyên đơn dưới hình thức chuyển khoản qua ngân hàng với tổng số tiền là 2.200.000.000 đồng, hiện còn nợ 771.483.495 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ 771.483.495 đồng, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác. Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn vì nguyên đơn cho rằng không nhận được hàng do bị đơn trả và nếu bị đơn trả lại hàng thì phải xuất hóa đơn VAT cho nguyên đơn theo đúng quy định tại thời điểm trả hàng nhưng đến nay chưa xuất hóa đơn cho nguyên đơn.

Bị đơn do bà Bùi Thị Y là người đại diện hợp pháp có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng quá trình tố tụng có trình bày:

Bị đơn thống nhất với trình bày của nguyên đơn về việc giữa hai bên có ký hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán hàng hóa như nguyên đơn đã trình bày. Tuy nhiên, bị đơn không thống nhất về số tiền hiện còn nợ nguyên đơn. Cụ thể: Trong ngày 15/8/2019, đồng thời với việc lập biên bản xác nhận công nợ số tiền bị đơn còn phải trả thì nguyên đơn cũng lập bảng xác nhận công nợ đối với số hàng chưa xuất hóa đơn cho bị đơn. Theo bảng xác nhận công nợ (chưa xuất hóa đơn VAT) ngày 15/8/2019 và các phiếu xuất kho trả hàng thì do một số hàng hóa không đạt chất lượng nên phía bị đơn đã trả lại cho nguyên đơn. Tổng giá trị hàng hóa bị đơn trả lại cho nguyên đơn do chính nguyên đơn xác nhận là 222.409.625 đồng. Thế nhưng khi khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền, nguyên đơn lại không khấu trừ số tiền này vào số nợ bị đơn còn phải trả. Vì vậy, bị đơn có đơn phản tố, yêu cầu nguyên đơn phải khấu trừ số tiền của số gỗ không đạt chất lượng bị đơn đã trả lại cho nguyên đơn vào số tiền nợ, cụ thể yêu cầu khấu trừ số tiền 222.409.625 đồng vào số nợ 771.483.495 đồng, bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 549.073.870 đồng, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An phát biểu: Về tố tụng, quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc tranh luận Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự không bị hạn chế quyền khi tham gia tố tụng; bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hình thức và nội dung của hợp đồng: Các đương sự lập hợp đồng nguyên tắc vào ngày 01/4/2017 về việc nguyên đơn bán cho bị đơn gỗ cao su đã xẻ, sấy giá cả do hai bên thương lượng tùy thuộc vào thời điểm giao hàng. Hợp đồng được đại diện theo pháp luật của nguyên đơn và Phó tổng giám đốc của bị đơn ký tên, đóng dấu. Mặc dù phía bị đơn không phải do người đại diện theo pháp luật của bị đơn ký tên và cũng không thể hiện người ký hợp đồng có được sự ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của bị đơn nhưng hai bên đã thực hiện việc giao nhận hàng hóa, thanh toán phần lớn số tiền phải trả nên phát sinh hiệu lực và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện. Các đương sự thừa nhận đã nhận hàng và trả tiền nhưng không thống nhất với nhau về số tiền còn

nợ và số hàng bị đơn đã trả lại cho nguyên đơn.

Theo chứng cứ các đương sự cung cấp có căn cứ xác định bị đơn đã trả lại cho nguyên đơn số gỗ theo bảng xác nhận công nợ (Chưa xuất hóa đơn VAT) ngày 15/8/2019 tương đương số tiền 222.409.625 đồng. Bảng xác nhận này do chính nguyên đơn lập nên trình bày và yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa, tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có đơn yêu cầu phản tố được nộp trong thời hạn và đã nộp tiền tạm ứng án phí nên được xem xét theo quy định tại Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Các đương sự có lập hợp đồng nguyên tắc vào ngày 01/4/2017 về việc nguyên đơn bán cho bị đơn gỗ cao su đã xẻ, sấy giá cả do hai bên thương lượng tùy thuộc vào thời điểm giao hàng. Hợp đồng được đại diện theo pháp luật của nguyên đơn và Phó tổng giám đốc của bị đơn ký tên, đóng dấu. Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn bán hàng cho bị đơn có tổng giá trị là 4.221.483.495 đồng theo các hóa đơn giá trị gia tăng số 016 - ngày 12/5/2017; 024 - ngày 27/5/2017; 037 - ngày 28/6/2017; 055 - ngày 31/7/2017; 074 - ngày 31/8/2017; 082 - ngày 16/9/2017; 118 - ngày 31/10/2017 và 125 - ngày 21/11/2017. Nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã thanh toán được tổng số tiền là 3.450.000.000 đồng và cho rằng bị đơn còn nợ số tiền 771.483.495 đồng. Bị đơn thống nhất đối với số tiền đã thanh toán cho nguyên đơn nhưng cho rằng trong số hàng nguyên đơn giao, bị đơn đã trả lại theo biên bản xác nhận công nợ ngày 15/8/2019 do chính nguyên đơn lập tương đương với số tiền 222.409.625 đồng. Do các đương sự không thống nhất được với nhau về số tiền bị đơn còn phải thanh toán nên phát sinh tranh chấp.

[3] Xét hiệu lực của hợp đồng và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng nguyên tắc ngày 01/4/2017 được đại diện theo pháp luật của nguyên đơn và Phó tổng giám đốc của bị đơn ký tên, đóng dấu. Theo đó, nguyên đơn bán cho bị đơn gỗ cao su đã xẻ, sấy giá cả do hai bên thương lượng tùy thuộc vào thời điểm giao hàng, tại hợp đồng này mặc dù đại diện bên B không phải do người đại diện theo pháp luật của bị đơn ký tên và trên hợp đồng cũng không thể hiện người ký hợp đồng có được sự ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của bị đơn nhưng hai bên đã thực hiện việc giao nhận hàng hóa, thanh toán phần lớn số tiền phải trả nên người đại diện theo pháp luật của bị đơn phải biết. Quá trình thực hiện hợp đồng người đại diện theo pháp luật của bị đơn

không có ý kiến phản đối gì nên hợp đồng phát sinh hiệu lực và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện.

Theo bảng xác nhận công nợ ngày 15/8/2019 và các hóa đơn giá trị gia tăng số 016 - ngày 12/5/2017; 024 - ngày 27/5/2017; 037 - ngày 28/6/2017; 055 - ngày 31/7/2017; 074 - ngày 31/8/2017; 082 - ngày 16/9/2017; 118 - ngày 31/10/2017 và 125 - ngày 21/11/2017, tổng số tiền hàng bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 4.221.483.495 đồng. Tính đến ngày 15/8/2019, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 1.250.000.000 đồng nên bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 2.971.483.495 đồng. Sau khi bị đơn ký tên xác nhận số nợ theo bảng xác nhận công nợ ngày 15/8/2019 nêu trên, các đương sự thống nhất bị đơn nhiều lần trả tiền cho nguyên đơn dưới hình thức chuyển qua tài khoản ngân hàng được số tiền 2.200.000.000 đồng, tổng số tiền bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn là 3.350.000.000 đồng, đây là tình tiết các đương sự không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, có căn cứ xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền mua hàng chưa thanh toán là 771.483.495 đồng.

[4] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn:

Tại đơn phản tố ngày 06/01/2023, bị đơn có trình bày: Cùng ngày 15/8/2019, nguyên đơn lập hai bảng xác nhận công nợ gửi cho bị đơn ký tên đóng dấu, trong đó có bảng xác nhận công nợ (Chưa xuất hóa đơn VAT) thể hiện có số hàng hóa không đủ chất lượng bị đơn đã trả lại cho nguyên đơn, cụ thể như sau:

- Ngày 12/11/2017, nguyên đơn giao cho bị đơn 6,6298 m³, trị giá 48.397.540 đồng;

- Ngày 29 và 30/12/2017 bị đơn trả lại cho nguyên đơn 35,7385 m³, trị giá 270.807.165 đồng.

Sau khi khi cần trừ lô hàng nguyên đơn giao cho bị đơn ngày 12/11/2017 và bị đơn trả hàng ngày 29 và ngày 30/12/2017, số tiền nguyên đơn phải trả cho bị đơn là 222.409.625 đồng. Tại bảng xác nhận công nợ (Chưa xuất hóa đơn VAT) ngày 15/8/2019, nguyên đơn đã thừa nhận còn nợ bị đơn số tiền 222.409.625 đồng. Vì vậy, bị đơn yêu cầu khấu trừ số tiền gỗ không đạt chất lượng bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 222.409.625 đồng vào số tiền bị đơn còn nợ của nguyên đơn là 771.483.495 đồng nêu trên, bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 549.073.870 đồng. Quá trình tố tụng, nguyên đơn cho rằng không nhận được hàng do bị đơn trả và nếu bị đơn trả hàng thì phải xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho nguyên đơn tại thời điểm trả hàng nên không chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

Qua xem xét chứng cứ của nguyên đơn nhận thấy: Bảng xác nhận công nợ (Chưa xuất hóa đơn VAT) do nguyên đơn lập ngày 15/8/2019 được bị đơn ký tên, đóng dấu xác nhận có thể hiện rõ số hàng bị đơn trả lại cho nguyên đơn chưa được xuất hóa đơn VAT có trị giá 270.807.165 đồng. Nguyên đơn lập bảng xác nhận công nợ đã khấu trừ vào số tiền hàng giao ngày 12/11/2017 trị giá 48.397.540 đồng nên có ghi rõ: “Số tiền chúng tôi còn nợ Quý công ty: 222.409.625 đồng” bằng số và chữ; số hàng mà bị đơn trả lại cho nguyên đơn vào các ngày 29/12/2017 và 30/12/2017 là trước ngày nguyên đơn lập bảng xác nhận công nợ (Chưa xuất hóa đơn VAT).

Ngoài ra, tại Vi bằng số 106/2023/VB-TPL ngày 14/4/2023 của Văn phòng Thừa phát lại Thuận An có ghi nhận: Vào lúc 10 giờ 09 phút ngày 19/9/2019 từ địa chỉ thư điện tử mang tên Q@gmail.com có gửi thư điện tử cho địa chỉ thư điện tử mang tên T@yahoo.vn bằng xác nhận công nợ. Tại thư này có nội dung: “Bảng em tính em

chưa trừ 222.409.625 tiền hàng trả lại DD) Bên c muốn tính sao thì làm cho e 1 bảng, gửi lại em để em trình C Thủy.” Kèm theo nội dung này là bảng xác nhận công nợ T9/2019 có xác định số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 2.895.443.258 đồng sau khi đã trừ 100.000.000 đồng bị đơn thanh toán vào ngày 22/8/2019. Tại thư điện tử được gửi từ địa chỉ thư điện tử mang tên Q@gmail.com cho địa chỉ thư điện tử mang tên T@yahoo.com.vn vào hồi 10 giờ 53 phút ngày 05/5/2022 có đính kèm bản scan của Bảng xác nhận công nợ (Chưa xuất hóa đơn VAT) và Bảng xác nhận công nợ cùng được lập ngày 15/8/2019. Hai bản scan này trùng hợp với các bản xác nhận công nợ do bị đơn giao nộp.

Như vậy, sau khi xem xét lời trình bày và các chứng cứ do bị đơn giao nộp, có căn cứ xác định bị đơn đã trả lại hàng cho nguyên đơn vào các ngày 29/12/2017 và 30/12/2017 với giá trị là 270.807.165 đồng. Sau khi trừ giá trị của số hàng nguyên đơn giao cho bị đơn ngày 11/12/2017 với giá trị của số hàng bị đơn trả lại nêu trên, bị đơn còn phải trả lại nguyên đơn số tiền 222.409.625 đồng. Do đó, yêu cầu phản tố của bị đơn có căn cứ chấp nhận.

[5] Bị đơn mua hàng của nguyên đơn nhưng không thanh toán là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại các điều 50, 55 của Luật Thương mại. Sau khi bị đơn nhận hàng, do hàng không đủ chất lượng nên có trả lại cho nguyên đơn được nguyên đơn xác nhận tại Bảng đối chiếu công nợ (Chưa xuất hóa đơn VAT) ngày 15/8/2019.

Từ những nhận định nêu trên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn. Cụ thể như sau:

- Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 771.483.495 đồng là tiền hàng đã nhận chưa thanh toán nhưng được khấu trừ số tiền 222.409.625 đồng là trị giá số hàng mà bị đơn đã trả lại cho nguyên đơn, bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 549.073.870 đồng.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với các chứng cứ và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận (222.409.625 đồng); bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận (549.073.870 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 200; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 24, 50 và 55 của Luật Thương mại;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH DD đối với Công ty TNHH Chế biến gỗ HD và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Chế biến gỗ HD đối với Công ty TNHH DD về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH Chế biến gỗ HD phải thanh toán cho Công ty TNHH DD số tiền mua hàng nhưng chưa thanh toán là 549.073.870 đồng (Năm trăm bốn mươi chín triệu, không trăm bảy mươi ba nghìn, tám trăm bảy mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật Công ty TNHH DD có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH Chế biến gỗ HD chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải trả thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thanh toán.

2. Về án phí:

Công ty TNHH DD phải nộp 11.120.480 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ vào số tiền 17.429.670 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000598 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Trả lại cho Công ty TNHH DD số tiền 6.309.190 đồng.

Công ty TNHH Chế biến gỗ HD phải nộp 25.962.955 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ vào số tiền 5.560.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003967 ngày 09/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Công ty TNHH Chế biến gỗ HD còn phải nộp số tiền 20.402.955 đồng.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- Chi cục THADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Trọng Quân